

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2017/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

U.B.N.D TỈNH KON TUM

ĐẾN Số: 1636/H
Ngày: 26.7.2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức chi ứng với từng nội dung chi: Tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo.

3. Nguồn kinh phí chi trả: Thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập và nguồn kinh phí khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017, thay thế Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 15 về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp Chuyên đề về sửa đổi một số mức chi chế độ hội nghị được ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX Kỳ họp thứ 15 và có hiệu lực từ ngày 31 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản pháp luật);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng



Phụ lục 01

CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ, CHẾ ĐỘ CHI TỎ CHỨC HỘI NGHỊ

(Kèm theo Nghị quyết số *ML* /2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khao XI Kỳ họp thứ 4)

STT	Nội dung chi	Mức chi
A	CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ	
I	Phụ cấp lưu trú	
1	Đi 02 ngày trở lên	200.000 đồng/người/ngày
2	Đi và về trong ngày	Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị
3	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo	250.000 đồng/người/ngày
II	Thanh toán tiền thuê phòng ngủ	
1	Thanh toán theo phương thức khoán	
1.1	Đối với chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên	1.000.000 đồng/người/ngày (không phân biệt nơi đến công tác)
1.2	Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại	
a	Đi công tác tại quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố đô thị loại I thuộc tỉnh	450.000 đồng/người/ngày
b	Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh	350.000 đồng/người/ngày
c	Đi công tác tại các vùng còn lại	300.000 đồng/người/ngày
2	Thanh toán theo hoá đơn thực tế (hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật)	
2.1	Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	
a	Đối với chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3	1.200.000 đồng/ngày theo tiêu chuẩn 1 người/1 phòng

STT	Nội dung chi	Mức chi
b	Đối với các đối tượng còn lại	1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng
2.2	Đi công tác tại các vùng còn lại	
a	Đối với chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3	1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 1 người/1 phòng
b	Đối với các đối tượng còn lại	700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng
2.3	Trường hợp đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới	Tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng)
3	Thanh toán khoản công tác phí theo tháng (trên 10 ngày/tháng)	
	- Cán bộ cấp xã	500.000 đồng/người/tháng
	- Cán bộ thuộc các cơ quan đơn vị còn lại	500.000 đồng/người/tháng
B	CHẾ ĐỘ CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ	
I	Chi giải khát giữa giờ	20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu
II	Hỗ trợ tiền ăn cho khách mời không hưởng lương	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho khách mời không hưởng lương theo mức khoán	
1.1	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh	150.000 đồng/người/ngày
1.2	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	100.000 đồng/người/ngày
2	Mức chi tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương trong trường hợp tổ chức nấu ăn tập trung	
2.1	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh	195.000 đồng/người/ngày
2.2	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)	130.000 đồng/người/ngày



Phụ lục 02

**CHẾ ĐỘ CHI TIÊU ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI,
CHI TỔ CHỨC CÁC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ
VÀ CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI Kỳ họp thứ 4)

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	MỨC CHI ĐÓN TIẾP KHÁCH NƯỚC NGOÀI	
1	Chi tặng hoa đón khách tại sân bay	200.000 đồng/người
2	Chi thuê chỗ ở (bao gồm cả ăn sáng)	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	4.000.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.500.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Phó đoàn	3.200.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	2.000.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	
	+ Trưởng đoàn	1.700.000 đồng/người/ngày
	+ Thành viên	1.200.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	500.000 đồng/người/ngày
3	Tiêu chuẩn ăn hằng ngày (trưa và tối)	
	- Đoàn khách hạng A	800.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	540.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	400.000 đồng/người/ngày
	- Khách mời quốc tế khác	270.000 đồng/người/ngày
4	Tổ chức chiêu đãi (tổ chức 01 lần)	

STT	Nội dung chi	Mức chi
	- Đoàn khách hạng A	800.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	540.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	400.000 đồng/người/ngày
5	Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc (tính 2 buổi làm việc)	
	- Đoàn khách hạng A	220.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng B	110.000 đồng/người/ngày
	- Đoàn khách hạng C	70.000 đồng/người/ngày
6	Chi dịch thuật	
6.1	Trong trường hợp đi thuê phiên dịch	
	* Biên dịch	
	- Tiếng Anh, hoặc tiếng khác của một nước thuộc EU sang Tiếng Việt	120.000 đồng/trang
	- Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU	150.000 đồng/trang
	- Các ngôn ngữ không phổ thông	
	+ Dịch sang Tiếng Việt	156.000 đồng/trang
	+ Tiếng Việt dịch sang ngôn ngữ không phổ thông	195.000 đồng/trang
	* Dịch nói	
	- Dịch nói thông thường	150.000 đồng/giờ/người
	- Dịch đuổi	400.000 đồng/giờ/người
6.2	Sử dụng cán bộ của cơ quan, đơn vị thực hiện	tính bằng 50% mức biên, phiên dịch thuê ngoài
7	Chi tặng phẩm	
	- Đoàn khách hạng A	
	+ Trưởng đoàn	1.000.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
	- Đoàn khách hạng B	
	+ Trưởng đoàn	600.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
	- Đoàn khách hạng C	

STT	Nội dung chi	Mức chi
	+ Trưởng đoàn	400.000 đồng/người
	+ Các thành viên khác	300.000 đồng/người
II	CHI TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO QUỐC TẾ (Các đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ)	
1	Chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia đàm phán	150.000 đồng/người/buổi
III	CHI TIẾP KHÁCH TRONG NƯỚC	
1	Chi nước uống khi khách đến làm việc tại cơ quan đơn vị	20.000 đồng/người/ngày
2	Chi mời cơm	200.000 đồng/người/suất